

Bản án số: 38/2018/HS-ST  
Ngày: 27-11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Long Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Xuân Lực – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2018/TLST-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000 tại Cà Mau; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: 229 A, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thu L, cha: không rõ; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 22 tháng 11 năm 2018, có mặt.

**- Bị hại:** Anh Phạm Việt L, sinh năm 1994, nơi cư trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; nơi cư trú: 4b/26, B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Trần M, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Lê Văn M, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Anh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn Anh T là bạn bè quen biết nhau qua mạng xã hội.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, T liên hệ cho Anh T để lên nhà Anh T chơi tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Anh T. T đã đón xe từ Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà Anh T. Cùng ngày, Phạm Việt L điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05, số khung 260XGY105371, số máy RC26E1139250 (xe này L mượn của Nguyễn Văn H) đến thăm Nguyễn Trần M và Nguyễn Văn Anh T).

Đến khoảng 19 giờ ngày 16 tháng 6 năm 2018, M và L đang ngồi uống rượu tại nhà của M thì Anh T và T đến, Anh T ngồi uống rượu cùng M và L còn T ngồi chơi. Đến khoảng 21 giờ thì M và L đi hát karaoke còn T và Anh T không đi. L điều khiển xe mô tô Honda Winner biển số 37L2-147.05 chở M đến quán karaoke N tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để hát. L và M nhận phòng được 15 phút thì T gọi điện cho L xin đến hát karaoke cùng, L đồng ý và điều khiển xe đến quán karaoke N. Khi đến quán, L dựng xe trong sân quán, không lấy vé và cùng T đi vào phòng hát và uống bia. Hát được khoảng 30 phút T thấy chìa khóa xe mô tô của L để trên bàn trong phòng hát nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô. Lợi dụng lúc M và L không để ý, T lấy chìa khóa xe đồng thời giả vờ nghe điện thoại và đi ra khỏi phòng. T đi ra trước sân quán karaoke N, dùng chìa khóa điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05 về nhà Anh T để lấy quần áo của T, lúc này Anh T không có nhà, chỉ gặp bà ngoại của Anh T là bà Nguyễn Thị V. Sau khi lấy quần áo xong T điều khiển xe mô tô vừa trộm được đi về huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt. L và M đang hát karaoke thấy T đi ra ngoài lâu nên nghi ngờ và đi xem thì phát hiện mất xe mô tô, kiểm tra phòng karaoke

thì không thấy chìa khóa xe mô tô, gọi điện cho T thì Thảo tắt máy nên L trình báo Công an xã T.

Sáng ngày 17 tháng 6 năm 2018, Anh T liên hệ với người bạn tên H (không rõ lai lịch), H là bạn với T quen biết trên mạng xã hội, biết được T đang ở xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Anh T đã báo cho L biết. L đến huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh rồi nhờ H rủ T uống cà phê và chờ sẵn. Khi T đến quán cà phê, thấy T điều khiển xe mô tô của mình nên L giữ lại và trình báo Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và Công an huyện B đã phối hợp thu giữ xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05. T thừa nhận đã chiếm đoạt xe mô tô nói trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B: xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05 đã qua sử dụng trị giá 37.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng: ngày 21 tháng 8 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05, số khung 260XGY105371, số máy RC26E1139250 cho anh Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản Cáo trạng số 30/KSĐT ngày 29 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T nói lời sau cùng: bị cáo đã hối lỗi về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào lúc 21 giờ ngày 16 tháng 6 năm 2018, tại quán karaoke thuộc ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Trần Nguyễn Ngọc T đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05, số khung 260XGY105371, số máy RC26E1139250 của anh Phạm Việt L. Xe mô tô bị cáo T chiếm đoạt có giá trị 37.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”*

Như vậy, hành vi trộm xe mô tô trị giá 37.000.000 đồng của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Tại phiên tòa: bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Bị cáo sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000, thời điểm bị cáo phạm tội (ngày 16 tháng 6 năm 2018) bị cáo chưa đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo, được quy định tại các Điều 90, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo Th là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng: ngày 21 tháng 8 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, biển số 37L2-147.05 cho anh Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 11 năm 2018.

Bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Ánh Tuyết**